

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/DS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp “Quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tất Ái.
- Bà Lê Thị Thu Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:
Ông Danh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai (bằng hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) vụ án dân sự thụ lý số: 445/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1940;

Địa chỉ: số B đường G, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh H – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Trần Thanh H – Số A đường R, Phường B, Tp M, tỉnh Tiền Giang. (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (có mặt)

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác: N1), sinh năm 1959;

Địa chỉ: số A1 đường G, khu phố H, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Đoàn Hữu V, sinh năm: 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020)

2. Ông: Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: số A2 đường G, khu phố H, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2022) (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai, sinh năm 1977;

Địa chỉ: số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết Nhi, sinh năm 2006;

Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Văn Đê, sinh năm: 1932; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 12/4A đường Lê Thị Hồng Gấm, khu phố 2, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Sáu trình bày:*

Phần đất có diện tích 201,6m² thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 42 tại số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của bác sĩ Huỳnh Công Chiêu cho cha mẹ ông Nguyễn Văn Sáu là Nguyễn Văn Phú và Đặng Thị Ôn vào năm 1954. Năm 1977 ông được cha mẹ cho cất nhà ở trên phần đất này. Đến năm 2004 do nghe phía Nguyễn Thị Nguyệt làm chủ quyền toàn bộ 1000m² đất nên ông mới làm đơn xin địa chính Phường 6 tên Chín (hiện nay ông Chín đã mất) cho ông cất ra riêng 201,6m² đất vì trên đất này có nhà của ông diện tích khoảng 100m², có 04 ngôi mộ (mộ ba ông Nguyễn Văn Phú, anh thứ 10 Nguyễn Văn Lễ, Nguyễn Văn Nghĩa con của Nguyễn Văn Lễ, Nguyễn Văn Thu là mộ con ông), vài năm sau phía bà Nguyệt di dời 03 ngôi mộ về phần đất của bà Nguyệt, trên đất có 01 cây dừa, 02 bụi chuối. Thời điểm năm 2004 địa chính đo đạc không có làm thủ tục đo đạc và cho các hộ ký giáp ranh. Năm 2019 ông có ký hợp đồng đo đạc với Phòng Tài nguyên môi trường để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía bà Nguyệt ngăn cản nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 201,6m² (hiện nay đo đạc thực tế là 182,9m²) thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 42 tại số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, khu phố 2, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý sử dụng của ông.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt trình bày:* Bà nội bà là cụ Đặng Thị Ôn là tá điền của ông Huỳnh Công Chiêu, đến thời điểm 1970 được chủ đất Huỳnh Công Chiêu cho khoảng hơn 02 công đất ruộng với nền nhà. Riêng 1000m² do ông Huỳnh Công Chiêu (đã chết) cho riêng ba bà là ông Nguyễn Văn Đê khoản năm

1964, đến năm 1989 ba bà mới cho lại cho bà 1000m² lúc cho có làm giấy tờ cho đất nhưng thất lạc. Do có tranh chấp với ông Sáu nên bà không làm giấy đất được, đến năm 2000 khi ông Đề về nước thì bà có báo cho ông Đề biết sự việc trên, do đó vào năm 2000 có đến UBND Phường 6 làm biên bản, biên bản có ba bà Nguyễn Văn Đề, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Văn Sáu, Nguyễn Văn Cảnh và có chính quyền Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Thanh Thúy ký tên. Theo biên bản năm 2000 nên bà mới làm giấy tờ để được cấp giấy diện tích khoảng 2000m² (gồm phần đất 1000m² của ba bà được bác sĩ Chiêu cho với khoảng hơn 1000m² của bên nội), sau đó năm 2008 do bà có bán đất nên được cấp giấy lại và trên phần đất năm 2008 có phần đất 201,6m² mà ông Sáu đang tranh chấp với bà.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Sáu, phần đất của ông Sáu đang sử dụng là của gia đình bà.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đề trình bày:* Ông là anh cùng cha khác mẹ với ông Nguyễn Văn Sáu. Ông xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Công Chiêu tặng riêng cho ông từ năm 1964. Đến năm 1975 sau khi miền nam giải phóng ông Sáu đi lính ngụy quân ngụy quyền không có đất để ở nên có xin ông ở nhờ trên đất của ông. Ông chỉ cho ông Sáu ở nhờ đến hết đời, ngoài ra ông không cho bất kỳ ai thừa đất nào khác. Toàn bộ diện tích hơn 2.000m² ông chỉ cho con gái ông là Nguyễn Thị Nguyệt đứng tên. Do có tranh chấp với ông Sáu nên con ông là Nguyễn Thị Nguyệt chưa làm sổ đỏ được. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Sáu. Ông già yếu đi lại khó khăn nên xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tuyết Mai trình bày:* Bà vợ ông Sáu, bà thống nhất với lời trình bày của ông Sáu.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Sáu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

Người bảo vệ quyền quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sáu có nhiều lập luận cho rằng việc khởi kiện của ông Sáu là có căn cứ. Bởi ông Sáu đã ở trên phần đất tranh chấp từ năm 1977 đến nay, gia đình bà Nguyệt cũng thừa nhận là gia đình ông Sáu đã ở trên đất tranh chấp từ năm 1977. Ông Sáu là người đăng ký kê khai theo sổ địa chính của Phường 6, thành phố Mỹ Tho ký ngày 09/4/2004, thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước từ đó đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sáu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của các đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Sáu khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 201,6m² thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 42 tại số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Sáu, bị đơn bà Nguyệt cho rằng phần đất tranh chấp là của bà Nguyệt. Do đó, hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn Đê có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đê theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Đoàn Hữu Vũ là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ngày 09/9/2022 ông Vũ có đến Tòa án nộp đơn xin hoãn phiên tòa ngày 10/9/2022. Tòa án đã lập biên bản làm việc giải thích lý do ông Vũ xin hoãn phiên tòa không thuộc trường hợp bất khả kháng nên không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Vũ vẫn vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Diện tích đất ông Sáu và bà Nguyệt đang tranh chấp hiện nay chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Ông Sáu lựa chọn khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Ông Sáu cho rằng phần đất có diện tích 201,6m² (đo đạc thực tế 182,9m²) thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 42 tại số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của bác sĩ Huỳnh Công Chiêu cho cha mẹ ông Nguyễn Văn Sáu là Nguyễn Văn Phú và Đặng Thị Ôn vào năm 1954. Năm 1977 ông được cha mẹ cho cất nhà ở trên phần đất này. Đến năm 2004 do nghe phía Nguyễn Thị Nguyệt làm chủ quyền toàn bộ 1000m² đất nên ông mới làm đơn xin địa chính Phường 6 tên Chín (hiện nay ông Chín đã mất) cho ông cất ra riêng 201,6m² đất vì trên đất này có nhà của ông diện tích khoảng 100m². Thời điểm năm 2004 địa chính đo đạc không có làm thủ tục đo đạc và cho các hộ ký giáp ranh. Năm 2019 ông có ký hợp đồng đo đạc với Phòng Tài nguyên môi trường để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía bà Nguyệt ngăn cản nên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, diện tích tranh chấp 201,6m² (đo đạc thực tế 182,9m²) cả ông Sáu và bà Nguyệt đều thừa nhận có nguồn gốc từ bác sĩ Huỳnh Công Chiêu (đã chết). Tuy nhiên, ông Sáu thì cho rằng ông Chiêu đã cho cha mẹ ông Sáu từ năm 1954, năm 1977 cha mẹ ông Sáu cho lại ông Sáu sử dụng đến nay. Bà Nguyệt và ông Đê (cha bà Nguyệt) thì cho rằng ông Chiêu cho ông Đê từ năm 1964. Sau năm 1975 ông Sáu đi lính cho ngụy về không có đất ở nên mới xin ở nhờ trên đất. Vì ông Sáu và ông Đê là anh em cùng cha khác mẹ nên ông Đê cho ông Sáu ở nhờ, nhưng với cam kết là ở nhờ hết đời ông Sáu. Thời điểm cho ở nhờ cũng không làm giấy tờ.

Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời gian 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...”. Như vậy, ông Sáu có sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1977 đến nay là 45 năm, nhà bà Nguyệt ở cạnh nhà ông Sáu cũng nhìn thấy ông Sáu ở liên tục, công khai nhưng không có ý kiến gì. Ông Sáu có thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước từ năm 1993 đến nay theo Thông báo về việc xác nhận số thuế đã nộp cho Ngân sách nhà nước ngày 28/8/2013 của Chi cục thuế thành phố Mỹ Tho (BL17) và có đăng ký kê khai trong sổ địa chính của Phường 6, Tp Mỹ Tho (BL20). Do đó việc ông Sáu yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp thuộc sở hữu của ông Sáu là có căn cứ.

Bà Nguyệt, ông Đề cho rằng đất tranh chấp là của mình cho ông Sáu ở nhờ nhưng không có tài liệu nào chứng minh có việc cho ở nhờ. Hơn nữa phần đất tranh chấp cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai thì không thể cho rằng là của bà Nguyệt cho ông Sáu ở nhờ. Bà Nguyệt có nộp 01 giấy xác nhận có chữ ký của bác sĩ Huỳnh Công Chiêu bằng photo (BL 57) để chứng minh rằng đất tranh chấp là của bác sĩ Huỳnh Công Chiêu cho ông Đề vào năm 1964. Tuy nhiên, giấy xác nhận này nội dung là bác sĩ Chiêu cho ông Đề mượn đất mở lò bánh mì khoản 1000m², không phải hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Đối với toàn bộ đất đai thuộc quyền sở hữu của bà Nguyệt, bà Nguyệt đã đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì không có lý gì chưa lại phần đất ông Sáu đang sử dụng.

Đối với biên bản hòa giải ngày 13/4/2000 (BL63) là chứng cứ bà Nguyệt cho rằng ông Sáu thừa nhận ở nhờ trên đất của bà Nguyệt đến hết đời ông Sáu trả lại đất. Biên bản này chỉ là bản photo, hơn nữa ngày hòa giải theo biên bản là ngày 13/4/2000 nhưng ngày đóng dấu xác nhận của Ủy ban lại là ngày 04/01/2001 là không phù hợp. Ông Sáu không thừa nhận chữ ký của mình trong biên bản hòa giải ngày 13/4/2000. Sau đó Tòa án có tiến hành xác minh cán bộ ghi biên bản hòa giải ngày 13/4/2000 thì được cung cấp thông tin ông Nguyễn Văn Đề là ba bà Nguyệt không có mặt tham gia hòa giải, không có ký tên vào biên bản hòa giải nhưng có ghi ý kiến vào biên bản hòa giải. Thời điểm năm 2000 do quản lý về thủ tục của Ủy ban chưa chặt chẽ nên không thông qua thị thực của Ủy ban tại thời điểm ngày 13/4/2000. Đến năm 2001 do đương sự yêu cầu nên Ủy ban phường xác nhận lại (BL100). Như vậy, biên bản hòa giải ngày 13/4/2000 không được xem là chứng cứ hợp pháp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Nguyệt không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh phần đất tranh chấp là của bà Nguyệt.

Do đó, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Sáu.

Lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa ông Sáu yêu cầu bị đơn hoàn trả toàn

bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập chứng cứ là 2.100.000 đồng; Chi phí đo đạc là 3.815.000 đồng; Chi phí định giá tài sản tranh chấp là 12.000.000 đồng, tổng cộng: 17.915.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, buộc bà Nguyệt hoàn trả lại cho ông Sáu số tiền chi phí tố tụng 17.915.000 đồng.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nguyệt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Điều 95, 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Sáu.

Công nhận phần đất có diện tích 201,6m² (đo đạc thực tế 182,9m²) thuộc thửa số 91 tờ bản đồ số 42 tại số 30/4B đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Sáu, vị trí đất có tứ cận như sau:

Bắc giáp Bùi Thị Kim Châu;

Nam giáp Nguyễn Thị Nguyệt;

Tây giáp Nguyễn Thị Nguyệt;

Đông giáp đường Bà Đình; (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Sáu được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Nguyệt có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Sáu số tiền 17.915.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười lăm ngàn) đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nguyệt phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Sáu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000788 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Sáu, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Huỳnh Thị Tuyết Mai có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Đê có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng